

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP ĐÓNG VAI TRONG HỌC PHẦN HÓA HỮU CƠ ĐỂ RÈN LUYỆN KỸ NĂNG DẠY HỌC HÓA HỌC CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM KHOA HỌC TỰ NHIÊN TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BÀ RỊA - VŨNG TÀU

*Using the role-playing method in The Organic Chemistry course to develop
Chemistry teaching skills for Natural Science Teacher Education students at
Ba Ria - Vung Tau College of Education*

Nguyễn Thị Lan⁽¹⁾, Nguyễn Thị Minh Ngọc^{(1)*}, Nguyễn Thanh Hà⁽¹⁾

⁽¹⁾Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu

TÓM TẮT

Kỹ năng giảng dạy là một trong những kỹ năng quan trọng nhất đối với giáo viên, vì vậy giảng viên cần tận dụng mọi cơ hội để rèn luyện kỹ năng giảng dạy cho sinh viên. Bài viết này trình bày việc sử dụng phương pháp đóng vai trong học phần Hóa Hữu cơ nhằm hỗ trợ rèn luyện kỹ năng dạy học môn Hóa học cho sinh viên ngành Sư phạm Khoa học Tự nhiên.

Từ khóa: Phương pháp đóng vai, rèn luyện kỹ năng, kỹ năng dạy học, dạy học hóa học, Hóa hữu cơ.

ABSTRACT

Teaching skills are among the most important skills for teachers, so instructors should make the most of every opportunity to develop teaching skills for students. This article presents the use of role-playing methods in the Organic Chemistry course to help train teaching skills in Chemistry for students majoring in Natural Science education.

Keywords: Role-playing method, skill development, teaching skills, Chemistry teaching, Organic Chemistry.

1. Đặt vấn đề

Phương pháp đóng vai là một hình thức dạy học tích cực, trong đó người học nhập vai vào các nhân vật hoặc tình huống cụ thể để thể hiện, giải quyết vấn đề hoặc tái hiện lại một nội dung học tập. Xinjian Fu và cộng sự đã khảo sát hiệu quả của phương pháp đóng vai trong giáo dục và cho thấy việc dạy học bằng phương pháp đóng vai có tác động tích cực đáng kể

đến người học, có ảnh hưởng mạnh nhất đến kỹ năng của người học và có thể nâng cao hiệu quả học tập ở mọi khía cạnh. Yaw Ameyaw và cộng sự đã đánh giá tác động của việc dạy học bằng phương pháp đóng vai đối với sự hứng thú của người học trong dạy học các chuyên ngành Sinh học. Kết quả cho thấy phương pháp đóng vai mang lại cơ hội học tập trải nghiệm hiệu quả, có ảnh hưởng rõ rệt đến sự quan tâm

*Tác giả liên hệ: nguyenthiminhngoc1982vt@gmail.com

của người học. Phương pháp này cho phép người học chủ động tham gia vào các hoạt động trong lớp học trong một môi trường học tập năng động và tích cực.

Thực tập sư phạm lần một diễn ra vào học kỳ 4, có thuận lợi là sinh viên đã học xong một số học phần về phương pháp dạy học, khó khăn đối với sinh viên ngành sư phạm Khoa học Tự Nhiên là các em đang học học phần phương pháp dạy học Hóa học ở THCS. Để giúp sinh viên có thêm kinh nghiệm dạy học môn Hóa, giảng viên có thể lồng ghép thêm mục tiêu rèn kỹ năng dạy học khi dạy các học phần khác trong học kỳ 3. Bằng cách sử dụng phương pháp đóng vai trong học phần Hóa hữu cơ, giảng viên vừa có thể cung cấp kiến thức của học phần vừa có thể rèn luyện kỹ năng dạy học Hóa học cho sinh viên.

Bài viết trình bày cách sử dụng phương pháp đóng vai trong học phần Hóa hữu cơ để rèn luyện kỹ năng dạy học Hóa học cho sinh viên ngành sư phạm Khoa học Tự Nhiên bao gồm các nội dung: qui trình sử dụng và các ví dụ minh họa với tiết lý thuyết, tiết bài tập, tiết thực hành.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Kỹ năng dạy học

2.1.1. Khái niệm kỹ năng dạy học

Kỹ năng dạy học là sự thực hiện có kết quả một số thao tác hay một loạt các thao tác phức hợp của một hành động giảng dạy, bằng cách lựa chọn và vận dụng những tri thức chuyên môn và nghiệp vụ cần thiết vào các tình huống dạy học xác định.

2.1.2. Hệ thống kỹ năng dạy học cơ bản

- Kỹ năng chuẩn bị bài lên lớp: nghiên cứu nội dung, chương trình, kế hoạch dạy học; xác định mục tiêu bài học; xác định nhiệm vụ và nội dung kiến thức trọng tâm; xác định thời gian cho từng nội dung; lựa chọn phương pháp, kỹ thuật, hình thức dạy

học; lựa chọn đồ dùng, phương tiện dạy học; hình dung các tình huống sư phạm có thể xảy ra và cách xử lý.

- Kỹ năng tổ chức dạy học trên lớp: ổn định tổ chức lớp; kích thích hứng thú, tính tích cực của người học; trình bày bảng; điều khiển hoạt động dạy và hoạt động học; bao quát lớp và xử lý các tình huống sư phạm.

- Kỹ năng nhận xét, đánh giá giờ dạy: quan sát và lắng nghe tích cực; phản hồi mang tính xây dựng.

- Kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh: xác định mục tiêu và cấu trúc bài kiểm tra; soạn câu hỏi, bài tập kiểm tra; xây dựng tiêu chí đánh giá; tổ chức kiểm tra; đánh giá bài kiểm tra; sửa bài kiểm tra.

2.2. Thực trạng kỹ năng dạy học của sinh viên ngành sư phạm Khoa học Tự Nhiên trước khi đi thực tập sư phạm lần một

Vào khoảng giữa học kỳ 4, sinh viên ngành sư phạm Khoa học Tự Nhiên sẽ đi thực tập sư phạm lần một, giảng dạy các môn Lý, Hóa, Sinh. Ở thời điểm này, sinh viên đã học xong 3 học phần có nội dung về phương pháp dạy học, 3 học phần đang học trong đó có học phần phương pháp dạy học Hóa học ở THCS.

Về mặt lý thuyết, sinh viên đã nắm được những kiến thức lý luận về các phương pháp dạy học, phương pháp dạy học Sinh học, Hóa học, Vật lý. Về mặt thực hành, sinh viên đã được tập luyện một số kỹ năng dạy học như tập diễn đạt, trình bày một vấn đề; tập vận dụng một số phương pháp dạy học hiện đại, tập luyện tư thế tác phong đứng lớp; biết xây dựng kế hoạch dạy học, soạn bài, chuẩn bị phương tiện dạy học, tiến hành dạy học, đánh giá rút kinh nghiệm. Đối với phần thực hành phương pháp dạy học Hóa học, sinh viên

đang tiến hành tập giảng trong thời gian ngắn nên kỹ năng dạy học Hóa học của sinh viên còn hạn chế, đặc biệt là kỹ năng trình bày, diễn đạt. Vì vậy, giảng viên cần rèn luyện kỹ năng dạy học cho sinh viên qua các học phần khác để tăng thời gian tập luyện cho sinh viên, giúp sinh viên có sự chuẩn bị tốt trước khi đi thực tập lần một.

2.3. Đặc điểm kiến thức học phần Hóa hữu cơ

Học phần Hóa hữu cơ được dạy vào học kỳ 3 với 3 tín chỉ gồm 2 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành.

Nội dung lý thuyết của học phần gồm 9 chương: đại cương hữu cơ, hidrocarbon no, hidrocarbon không no, hidrocarbon thơm, nguồn hidrocarbon từ thiên nhiên, hợp chất tạp chức, cacbohidrat, peptit - protein - axit nucleic, hợp chất cao phân tử. Nội dung thực hành của học phần gồm 9 bài: phân tích định tính các nguyên tố có mặt trong hợp chất hữu cơ, hidrocarbon, dẫn xuất halogen của hidrocarbon, ancol - phenol - ete, andehit - xeton, axit cacboxylic - dẫn xuất của axit cacboxylic, hợp chất chứa nitơ, cacbohidrat, amino axit - protein.

Nội dung kiến thức hóa hữu cơ ở THCS (lớp 9) gồm 2 chương: hidrocarbon - nhiên liệu (10 bài), dẫn xuất của hidrocarbon - polime (13 bài).

Những kiến thức trong học phần Hóa hữu cơ về cơ bản giống sách giáo khoa lớp 12, chỉ thêm phần cơ chế phản ứng (nội dung này không quan trọng đối với giáo viên THCS nên có thể cho sinh viên tự tìm hiểu, không cần dạy trên lớp). Nội dung thực hành đơn giản, chủ yếu là chứng minh tính chất của chất và điều chế một số chất cơ bản như este, xà phòng.

So sánh kiến thức Hóa hữu cơ lớp 9 và cao đẳng, Hóa hữu cơ trình độ cao đẳng trình bày về một họ chất hữu cơ

trong khi Hóa hữu cơ lớp 9 chỉ trình bày về một chất trong họ chất hữu cơ. Do đó, giảng viên có thể lồng ghép kiến thức Hóa hữu cơ lớp 9 gồm lý thuyết, bài tập trong sách giáo khoa Hóa 9 khi dạy Hóa hữu cơ trình độ cao đẳng.

2.4. Phương pháp đóng vai trong dạy học

2.4.1. Khái niệm

Tác giả Phan Trọng Ngọ cho rằng: “Phương pháp đóng vai trong dạy học là giáo viên cung cấp kịch bản và đạo diễn, học viên hành động theo các vai diễn. Qua đó họ học được cách suy nghĩ, thể hiện thái độ và hành động cũng như các kỹ năng ứng xử khác của nhân vật trong kịch bản”.

Trong tài liệu Bồi dưỡng giáo viên thực hiện chương trình sách giáo khoa lớp 10 THPT cho rằng: “Đóng vai là phương pháp tổ chức cho người học thực hành, “làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định”.

Phương pháp đóng vai được thực hiện trong một số nội dung học tập sau: vào vai một nhân vật kể lại câu chuyện đã học, xử lý một tình huống giao tiếp giả định, trình bày một vấn đề, một ý kiến từ các góc nhìn khác nhau.

2.4.2. Một số yêu cầu khi sử dụng phương pháp đóng vai

- Tình huống đóng vai phải phù hợp với chủ đề giáo dục, phù hợp với lứa tuổi, trình độ người học và điều kiện lớp học.

- Tình huống nên để mở, có thể không cho trước kịch bản để người học tự sáng tạo.

- Phải dành thời gian phù hợp cho các nhóm chuẩn bị đóng vai.

- Người đóng vai phải hiểu rõ vai của mình trong tình huống của bài tập đóng vai để không lạc đề.

- Nên khích lệ cả người học nhút nhát cùng tham gia.

2.4.3. Ưu điểm và hạn chế của phương pháp đóng vai

2.4.3.1. Ưu điểm

- Dễ gây hứng thú và chú ý cho người học, người học có cơ hội bộc lộ cảm xúc, hình thành những kỹ năng giao tiếp, đồng thời tạo điều kiện cho người học phát huy tư duy sáng tạo và trí tưởng tượng.

- Góp phần rèn luyện tính mạnh dạn, tự tin khi đứng trước tập thể, đám đông.

- Hình thành thói quen, kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm thông qua sự phối hợp chặt chẽ của các nhân với nhóm và với tập thể. Tạo cơ hội cho các cá nhân học hỏi và đánh giá lẫn nhau, qua đó có thể tự rút ra các bài học cho bản thân.

2.4.3.2. Hạn chế

- Tốn nhiều thời gian, đòi hỏi sự chuẩn bị chu đáo, công phu, người học cần dành nhiều thời gian để có thể cho ra những sản phẩm chất lượng.

- Đòi hỏi việc xây dựng tình huống và giao nhiệm vụ phải phù hợp và rõ ràng. Nếu không đảm bảo hoặc thiếu sự giám sát, đôn đốc của giáo viên thì người học sẽ khó thực hiện hoặc thực hiện không thành công, không hiệu quả.

2.5. Sử dụng phương pháp đóng vai trong học phần Hóa hữu cơ để rèn luyện kỹ năng dạy học Hóa học cho sinh viên ngành Khoa học Tự Nhiên

2.5.1. Khái quát về phương pháp đóng vai khi ứng dụng trong học phần Hóa hữu cơ

Với tiết lý thuyết, phương pháp dạy học thường được sử dụng trong các học phần chuyên ngành Hóa, Lý, Sinh là phương pháp thảo luận nhóm. Hạn chế của phương pháp này là sinh viên lên báo cáo chủ yếu đọc kết quả thảo luận của nhóm. Điều này dẫn đến kỹ năng trình bày vấn đề chỉ được rèn luyện một phần và nội dung trình bày chưa hiểu sâu sắc. Với phương

pháp đóng vai, tất cả sinh viên trong lớp đều chuẩn bị cùng một chủ đề. Sau đó, giảng viên gọi bất kỳ một sinh viên lên báo cáo sẽ đóng vai giáo viên, sinh viên còn lại đóng vai học sinh. Tất cả sinh viên đều tham gia trực tiếp vào quá trình báo cáo. Như vậy, phương pháp này yêu cầu cao hơn so với phương pháp thảo luận nhóm, các thành viên phải hiểu bài, luyện cách diễn đạt, giảng giải cho sinh viên khác hiểu và cả lớp đều hoạt động. Để làm được như vậy, sinh viên phải dành nhiều thời gian để chuẩn bị.

Với tiết thực hành, theo như phương pháp truyền thống thì chỉ yêu cầu sinh viên làm thành công thí nghiệm là đạt. Khi sử dụng thêm phương pháp đóng vai, giảng viên dành 15 phút cuối mỗi buổi thực hành, gọi 2 sinh viên lên biểu diễn 1 thí nghiệm. Sinh viên sẽ đóng vai giáo viên, thực hiện các bước hướng dẫn thực hành thí nghiệm, làm thí nghiệm và điều khiển cả lớp cùng tham gia.

Với tiết bài tập, theo phương pháp truyền thống thì sau khi sinh viên lên làm bài tập, giảng viên sẽ điều khiển lớp để nhận xét và sửa bài. Khi sử dụng thêm phương pháp đóng vai, sinh viên sẽ thực hiện luôn nhiệm vụ của giảng viên.

Phương pháp đóng vai được sử dụng xuyên suốt học phần, tất cả sinh viên đều được đóng vai giáo viên trong cả 3 nội dung: lý thuyết, bài tập, thực hành. Trong phương pháp này, giảng viên rèn luyện kỹ năng chuẩn bị bài, kỹ năng trình bày, kỹ năng viết bảng, điều khiển lớp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng nhận xét. Giảng viên không yêu cầu sinh viên soạn giáo án, không yêu cầu khắt khe về thời gian trình bày mà chỉ yêu cầu sinh viên trình bày đúng kiến thức và giảng giải sao cho sinh viên khác hiểu.

2.5.2. Quy trình sử dụng phương pháp đóng vai

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Giảng viên chia nhóm.
- Giảng viên giao cùng nội dung bài học, bài tập, bài thực hành cho các nhóm.

Bước 2: Thảo luận nhóm (ở nhà)

- Các nhóm thảo luận để xác định nội dung cần trình bày.

- Tập luyện trình bày, giảng dạy theo cặp đôi, theo nhóm.

Bước 3: Trình bày trước lớp

- Giảng viên gọi bất kỳ sinh viên trong lớp lên trình bày, đóng vai giáo viên (mỗi sinh viên trình bày một phần của chủ đề).

- Sinh viên còn lại đóng vai học sinh tham gia vào quá trình báo cáo.

Bước 4: Nhận xét, kết luận và rút ra bài học nhận thức, chốt kiến thức

- Sinh viên nhận xét, đánh giá.
- Giảng viên nhận xét, chốt kiến thức, hướng dẫn sinh viên tổng hợp và khái quát những vấn đề trọng tâm từ của bài học.

2.5.3. Một số ví dụ minh họa

▪ Tiết lý thuyết: Chương hidrocarbon no

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Giảng viên chia nhóm: 3 - 4 sinh viên một nhóm.

- Giảng viên giao cho sinh viên tìm hiểu một số nội dung trong chương hidrocarbon no: cấu tạo, danh pháp, tính chất vật lý, tính chất hóa học, ứng dụng.

- Sinh viên làm các nhiệm vụ: soạn powerpoint, tập giảng.

Bước 2: Thảo luận nhóm (ở nhà)

Bước 3: Trình bày trước lớp

- Giảng viên chia bài báo cáo thành nhiều phần, gọi một số sinh viên lên trình bày, sinh viên này đóng vai giáo viên làm các nhiệm vụ: trình bày nội dung, điều khiển các sinh viên khác phát biểu ý kiến, lên bảng viết phương trình phản ứng,...

- Các sinh viên còn lại tham gia vào quá trình dạy học và thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.

Bước 4: Nhận xét, kết luận và rút ra bài học nhận thức, chốt kiến thức

▪ Tiết bài tập: Chương hidrocarbon no

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Giảng viên giao cho sinh viên làm các bài tập bài “metan” trong sách giáo khoa Hóa 9 và một số bài tập do giảng viên tự soạn.

- Sinh viên làm các nhiệm vụ: giải bài tập, tập giảng.

Bước 2: Thảo luận nhóm (ở nhà)

Bước 3: Trình bày trước lớp

- Giảng viên gọi 3 sinh viên lên bảng làm bài 1, 3, 4 trang 116 sách giáo khoa Hóa 9.

- Sau khi 3 sinh viên làm xong, từng sinh viên sẽ lên bảng đóng vai giáo viên điều khiển lớp nhận xét bài làm, sửa bài tập, giảng bài.

Bước 4: Nhận xét, kết luận và rút ra bài học nhận thức, chốt kiến thức

▪ Tiết thực hành: Bài cacbohidrat

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Giảng viên giao cho sinh viên về nhà tìm hiểu một số thí nghiệm phù hợp trong bài: phản ứng của glucozơ, fructozơ, saccarozơ với đồng (II) hidroxit; phản ứng oxi hóa của glucozơ bằng bạc amiacat, đồng (II) hidroxit, nước brom; phản ứng thủy phân saccarozơ, tinh bột, xenlulozơ trong môi trường axit.

- Sinh viên làm các nhiệm vụ: viết bài báo cáo thu hoạch, tập giảng cách tiến hành thí nghiệm.

Bước 2: Thảo luận nhóm (ở nhà)

Bước 3: Trình bày trước lớp

- Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm thí nghiệm.

- Sinh viên làm thí nghiệm.

- Giảng viên dành 15 phút cuối buổi

thực hành gọi 2 sinh viên bất kỳ lên trước lớp đóng vai giáo viên làm các nhiệm vụ: trình bày cách tiến hành thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, điều khiển lớp nêu hiện tượng và rút ra kết luận.

Sinh viên 1: Thí nghiệm phản ứng oxi hóa của glucozo bằng bạc amiacat.

Sinh viên 2: Phản ứng thủy phân saccarozo trong môi trường axit.

Bước 4: Nhận xét, kết luận và rút ra

bài học nhận thức, chốt kiến thức

2.5.4. Kết quả thực nghiệm

Để đánh giá mức độ hiệu quả của phương pháp đóng vai, chúng tôi tiến hành khảo sát sự cải thiện kỹ năng dạy học của 25 sinh viên lớp 21B sau khi áp dụng phương pháp này. Chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Dữ liệu sau khi thu thập được xử lý bằng phần mềm Excel.

Bảng 1. Các mức độ về sự cải thiện kỹ năng dạy học của SV

Kỹ năng dạy học	Các mức độ			
	1 (Không cải thiện)	2 (Cải thiện một chút)	3 (Khá cải thiện)	4 (Cải thiện nhiều)
1. Kỹ năng chuẩn bị bài	Không xác định rõ mục tiêu bài học, nội dung rời rạc.	Có tìm hiểu sơ bộ nội dung bài học, xác định được một vài mục tiêu và nội dung chính nhưng chưa đầy đủ.	- Xác định được phần lớn nội dung trọng tâm, biết sắp xếp theo trình tự hợp lý. - Có dự đoán một số tình huống sư phạm.	- Hiểu sâu sắc nội dung bài học. - Xác định rõ ràng, đầy đủ mục tiêu bài học. - Dự báo đa dạng tình huống sư phạm.
2. Kỹ năng trình bày	Trình bày rời rạc, không lôi cuốn, sử dụng ngôn ngữ không phù hợp.	Trình bày còn ngập ngừng, thiếu sức thuyết phục	Trình bày rõ ràng, giọng nói có sức truyền cảm, sử dụng ngôn ngữ phù hợp.	Trình bày trôi chảy, lôi cuốn, sử dụng ngôn ngữ linh hoạt, tương tác hiệu quả với người học.
3. Kỹ năng viết bảng	Viết bảng chưa rõ ràng, chữ xấu, thiếu khoa học, không có bố cục hợp lý.	Viết bảng chưa có bố cục tốt, còn thiếu các ký hiệu, phân vùng chưa hợp lý.	Viết bảng khá rõ ràng, bố cục tương đối hợp lý, gạch đầu dòng hoặc ký hiệu phân biệt nội dung.	Viết bảng khoa học, dễ nhìn, bố cục rõ ràng, tận dụng không gian bảng hiệu quả.
4. Kỹ năng điều khiển lớp	Không kiểm soát được lớp học, lớp thiếu trật tự, học sinh không tập trung.	Lớp học trật tự, chưa linh hoạt trong xử lý học sinh hoặc chưa tạo được sự hứng thú.	Quản lý lớp khá tốt, có tương tác với học sinh, biết điều chỉnh hoạt động để giữ sự tập trung của lớp.	Điều khiển lớp hiệu quả, khuyến khích sự tham gia tích cực, điều tiết nhịp độ học phù hợp.

Kỹ năng dạy học	Các mức độ			
	1 (Không cải thiện)	2 (Cải thiện một chút)	3 (Khá cải thiện)	4 (Cải thiện nhiều)
5. Kỹ năng xử lý tình huống	Không xử lý được hoặc xử lý thiếu hợp lý với các tình huống bất ngờ xảy ra trong lớp.	Có xử lý nhưng còn lúng túng, giải pháp đưa ra đôi khi chưa hợp lý.	Xử lý được phần lớn tình huống cơ bản, tương đối hợp lý với hoàn cảnh cụ thể.	Phản ứng nhanh nhạy, xử lý linh hoạt, hợp lý, giữ được sự ổn định và tích cực cho môi trường lớp học.
6. Kỹ năng nhận xét	Nhận xét chung chung, không rõ ràng, mang tính phê phán hoặc thiếu khích lệ.	Nhận xét có căn cứ, chưa cụ thể, chưa cân bằng giữa khen và góp ý.	Nhận xét rõ ràng, cụ thể, có dẫn chứng.	Nhận xét sâu sắc, cân bằng giữa khen và góp ý và đưa ra hướng cải thiện.

Bảng 2. Kết quả khảo sát về mức độ cải thiện kỹ năng dạy học của SV

TT	Kỹ năng dạy học	Mức độ 1		Mức độ 2		Mức độ 3		Mức độ 4	
		SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
1	Kỹ năng chuẩn bị bài			5	23,8	12	57,1	4	19,1
2	Kỹ năng trình bày			7	33,3	10	47,6	4	19,1
3	Kỹ năng viết bảng					8	38,1	13	61,9
4	Kỹ năng điều khiển lớp					17	80,9	4	19,1
5	Kỹ năng xử lý tình huống			6	28,6	10	47,6	5	23,8
6	Kỹ năng nhận xét			4	19,1	9	42,9	8	38,0

Nhìn chung, kỹ năng dạy học của sinh viên có sự cải thiện nhất định (100% SV), tùy thuộc vào khả năng của sinh viên và độ khó của kỹ năng dạy học. Trong đó, kỹ năng viết bảng và kỹ năng điều khiển lớp có 100% sinh viên cho rằng có sự cải thiện từ mức khá trở lên. Nguyên nhân là do đây là 2 kỹ năng dễ rèn luyện. Các kỹ năng còn lại là các kỹ năng khó nhưng có trên 65% SV cho rằng khá cải thiện và cải thiện nhiều. Đây là các em sinh viên có học lực khá, giỏi trong lớp nên khả năng tiếp thu kiến thức, kỹ năng và vận dụng vào thực hành tốt hơn.

3. Kết luận

Phương pháp đóng vai là một trong những phương pháp thích hợp và hiệu quả giúp sinh viên rèn luyện một số kỹ năng dạy học. Phương pháp này có thể áp dụng linh hoạt trong nhiều học phần. Đó là các học phần chuyên ngành có nội dung vừa sức với sinh viên, gắn với kiến thức của THCS, THPT và có vị trí sau các học phần như lý luận dạy học, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên. Trong các nghiên cứu tiếp theo, chúng tôi sẽ tiến hành khảo sát hiệu quả của phương pháp đóng vai khi áp dụng vào các học phần khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006). *Tài liệu bồi dưỡng giáo viên thực hiện chương trình sách giáo khoa lớp 10 Trung học phổ thông*.
- [2] Hoàng Phi Hải (2021). *Sử dụng phương pháp dạy học đóng vai để phát triển năng lực điều chỉnh hành vi cho học sinh trong môn giáo dục công dân ở trường trung học cơ sở*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, 62(2)/2022, 71-79.
- [3] Lê Thị Anh Đào, Đặng Văn Liễu (2005). *Thực hành Hóa Hữu cơ*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Lê Xuân Trọng (2006). *Hóa học 9*. NXB GD Hà Nội.
- [5] Nguyễn Thị Loan, Phan Thị Lệ Dung (2023). *Khảo sát học sinh về việc sử dụng phương pháp đóng vai trong dạy học môn giáo dục công dân lớp 7*. Tạp chí Giáo dục, 23(20), 23-28.
- [6] Nguyễn Thị Nhân (2015). *Rèn luyện kỹ năng dạy học cho sinh viên đại học sư phạm theo tiếp cận linh hoạt trong thực tập*. Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện khoa học giáo dục Việt Nam.
- [7] Nguyễn Văn Ninh (2014). *Vận dụng phương pháp đóng vai trong dạy học Lịch sử ở trường trung học phổ thông nhằm phát triển toàn diện học sinh*. Tạp chí Giáo dục, 334, 45-47.
- [8] Phạm Việt Thắng (2017). *Vận dụng phương pháp đóng vai trong dạy học môn giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông hiện nay*. Hnue Journal of science, Educational Sci., 62 (9), 213-222.
- [9] Phan Trọng Ngọ (2005). *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*. NXB Đại học Sư phạm.
- [10] Tạ Thị Thu Hằng (2016). *Một số biện pháp phát triển kỹ năng dạy học cho sinh viên trường cao đẳng sư phạm Lạng Sơn*. Tạp chí giáo dục số đặc biệt, kì 1, 242-244.
- [11] Trần Quốc Sơn, Đặng Văn Liễu (2005). *Giáo trình cơ sở Hóa Hữu cơ tập một*. NXB Đại học Sư phạm.
- [12] Trần Quốc Sơn, Đặng Văn Liễu, Nguyễn Văn Tòng (2005). *Giáo trình cơ sở Hóa Hữu cơ tập hai*. NXB Đại học Sư phạm.
- [13] Xinjian Fu, Qinbing Li (2025). *Effectiveness of Role play Method: A Meta analysis*. International Journal of Instruction, 18 (1), 309-324.
- [14] Yaw Ameyaw, Alex Gyan Mante (2025). *Effect of Role-Play Teaching Method on Science Students' Interest in Teaching and Learning of Photosynthesis*. Open Access Library Journal, 12, e12370.

Ngày nhận bài: 15/4/2025

Ngày chấp nhận đăng: 23/6/2025